

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 391/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2018

“V/v ly hôn, nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu
2. Bà Hoàng Thị Khánh Ly

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 08 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Hồ T, sinh năm: 1979; địa chỉ: tổ 71, phường X, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.
2. *Bị đơn:* Ông Trần A, sinh năm: 1969; địa chỉ: tổ 63, phường Tr, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 07 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phan Thị Hồ T trình bày:*

Bà và ông Trần A kết hôn với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ 159, phường Tr, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng cùng sống đến ngày 15 tháng 01 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2014, bà T bị bệnh hiểm nghèo (suy thận), vì hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng đã bán nhà để chữa bệnh cho bà, chi phí sinh hoạt trong gia đình và cho các con ăn học. Sau khi bán nhà, vợ chồng về ở tạm nhà thờ bên nhà bà T ở phường X, quận L, thành phố Đà Nẵng. Thời gian này, ông A nhiều lần kiếm cớ gây gổ với vợ con rồi bỏ đi, mỗi lần bỏ đi từ 10 ngày đến 02 tháng, bà T đã nhiều lần khuyên can nhưng ông A vẫn không thay đổi. Đầu tháng 02 năm 2017, ông A về ở với mẹ ruột tại tổ 63, phường Tr, quận L, thành

phố Đà Nẵng. Ông A không có trách nhiệm, không quan tâm gì đến vợ con. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm gì với ông A, vợ chồng không chung sống được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà Phan Thị Hồ T và ông Trần A có 02 con chung là Trần Thị Tuyết Nh, sinh ngày 25/07/1994 và Trần Thị Tố Q, sinh ngày 13/05/2002. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi con chung Trần Thị Tố Q và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Đối với con Trần Thị Tuyết Nh, sinh ngày 25/07/1994 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như nhiều lần triệu tập ông Trần A đến Tòa án để hòa giải nhưng ông A không có mặt nên không có bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Trần A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hồ T và ông Trần A kết hôn với nhau từ năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, quận L, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ 159, phường Tr, quận L, thành phố Đà Nẵng. Qua lời khai của bà T thể hiện: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào năm 2016, nguyên nhân là do ông A không có trách nhiệm với gia đình, bà T bị bệnh suy thận giai đoạn cuối nhưng ông A không quan tâm chăm sóc, không chăm lo gì đến con cái. Ông A bỏ về nhà mẹ ruột ở từ đầu năm 2017 đến nay.

Xét thấy, hiện nay ông A và bà T không còn sống chung với nhau, không ai có trách nhiệm với ai. Hôn nhân giữa bà T và ông A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông A đến Tòa án để hòa giải nhưng ông A không đến, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông A vắng mặt, điều này thể hiện ông A không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Do vậy, cho bà T được ly hôn với ông A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị Hồ T và ông Trần A có 02 con chung là Trần Thị Tuyết Nh, sinh ngày 25/07/1994 và Trần Thị Tố Q sinh ngày 13/05/2002. Trần Thị Tuyết Nh đã đủ tuổi trưởng thành. Bà T có nguyện vọng được nuôi con chung tên Trần Thị Tố Q sinh ngày 13/05/2002 và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*)

Xét việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ đảm bảo mọi mặt về tâm lý và đời sống của con. Hiện nay, cháu Trần Thị Tố Q đang sống chung với bà T, còn ông A về nhà mẹ ruột tại tổ 63, phường Tr, quận L, thành phố Đà Nẵng, không quan tâm chăm sóc con cái. Đồng thời, cháu Q có nguyện vọng được ở với bà T. Do vậy, giao con chung tên Trần Thị Tố Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc

ông A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình. Còn con chung Trần Thị Tuyết Nh đã đủ tuổi trưởng thành nên HĐXX không đề cập đến.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phan Thị Hồ T phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai thu số 0005339 ngày 08/08/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Như vậy, bà T đã nộp đủ án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Trần A phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 227 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Phan Thị Hồ T đối với ông Trần A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị Hồ T được ly hôn ông Trần A.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Thị Tố Q sinh ngày 13/05/2002 cho bà Phan Thị Hồ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông Trần A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phan Thị Hồ T phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí (đã nộp tại biên lai thu số 0005339 ngày 08/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Như vậy, bà T đã nộp đủ án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Trần A phải chịu.

5. Bà Phan Thị Hồ T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- UBND p. Khuê Trung q. Cẩm Lệ.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

**HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Thuận Tây,
quận Hải Châu, tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Chị Hằng chú ý tính tiền định giá nhé)

1. Nhà và đất số 142 Hà Huy Giáp, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:

Tiền định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín là 7.480.000đ (bà Đan tạm ứng)

Tiền xem xét 2.000.000 đồng (bà Đan tự nguyện chịu)

2. Toàn bộ vật kiến trúc ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 75m² và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 53,3m; cùng địa chỉ: K36/18 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông Duyên).

Tiền định giá theo giá nhà nước và xem xét là 3.000.000đ (bà Đan nộp có biên lai của Tòa)

3. Công trình xây dựng trên thửa đất (Giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 123, tờ bản đồ số 48, diện tích đất 101,4m²; địa chỉ: H68/5 K634 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của bà Đan).

Tiền định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá BTC Value là 4.00.000đ (ông Duyên tạm ứng)

Tiền xem xét 2.000.000đ (ông Duyên nộp có biên lai của Tòa)

Ly hôn ông Duyên có ý kiến sau: Năm 2006, bà Nguyễn Thị Vân đã chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông với giá là 300.000.000đồng, vợ chồng ông trả dần cho đến tháng 5/2017 mới trả xong hai bên làm thủ tục sang tên trước bạ và được UBND quận Cẩm Lệ cấp giấy CNQSDĐ ngày 31/5/2007.

Ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 142 Hà Huy Giáp, thành phố Đà Nẵng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 123005 do UBND quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp đứng tên ông Nguyễn Văn Duyên và bà Nguyễn Thị Đan (đã được chỉnh lý ngày 13/8/2007). Tuy nhiên, xét thấy công sức đóng góp của ông Duyên vào khối tài sản trên nhiều hơn bà Đan. Điều này được thể hiện ở chỗ: Ông Duyên và bà Đan kết hôn vào ngày 05/9/2005, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng của ông Duyên tại đường Nguyễn Hữu Thọ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, sau khi kết hôn được 01 tháng, lúc này bà Đan đang mang thai, sức khỏe yếu, phải nằm dưỡng thai tại bệnh viện cho đến khi sinh con. Sau khi bà Đan sinh con được 06 tháng, vợ chồng mâu thuẫn bà Đan đem con là cháu Giang về sống nhà riêng của bà Đan tại đường Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian này, về kinh tế phần ai tự người đó lo. Trong thời gian này, ông Duyên bán quán cháo lòng tại nhà riêng. Tháng 9/2009, bà Đan bị bệnh ung thư vú nên phải đi điều trị tại bệnh viện K Hà Nội đến tháng 10/2010 bà Đan về lại nhà riêng của ông Duyên sống, đến tháng 02/2011 thì xây dựng ngôi nhà tại đường Hà Huy Giáp.

Do công sức đóng góp của ông Duyên nhiều hơn nên HĐXX chia cho ông Thanh 60% giá trị nhà ở và quyền sử dụng đất là: $2.253.357.000\text{đồng} \times 60\% = 1.352.014.200\text{đ}$ chia cho bà Đan 40% giá trị nhà ở và quyền sử dụng đất là: $2.253.357.000\text{đồng} \times 40\% = 901.342.800\text{đ}$.